













Name:

Class: 3

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (18/10/2021 - 22/10/2021)

Thời gian	Nội dung học: Grammar 1 – Past Simple Tense				
Thứ 2 (18/10)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần) Con mở "Track 01" để nghe bài.				
	 1. go -> went	 2. make -> made	 3. see -> saw	 4. swim -> swam	 5. drive -> drove
 6. eat -> ate	 7. take -> took	 8. sleep -> slept	 9. do -> did	 10. sing -> sang	
2) Làm phiếu số 1 trên Liveworksheets: https://www.liveworksheets.com/ys2434641ix					

Con chuẩn bị bài nói của cô chuyên gia (Hạn nộp: Thứ 6 – ngày 22/10)

Con kể về các hoạt động con đã làm trong kì nghỉ của mình, quay video gửi lên Teams.

Con có thể nói theo các gợi ý sau:

- *Where did you go?*

*I went **camping** by the river. / I went to the **beach/ mountains/ town/ city.***

- *Who did you go with?*

*I went with my **family/ friends/ grandparents/ parents.***

- *How did you travel?*

*I travelled by **car/ bus/ taxi/ train.***

- *What did you do there?*

*I went **fishing/ I played on the sand/ I walked up a hill/ I slept in a tent/**, etc ..*

**Thứ 3
(19/10)**

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 01" để nghe bài.



1. go -> went



2. make -> made



3. see -> saw



4. swim -> swam



5. drive -> drove

Thứ 4
(20/10)



6. eat -> ate



7. take -> took



8. sleep -> slept



9. do -> did



10. sing -> sang

2) Làm phiếu số 2 trên Liveworksheets: <https://www.liveworksheets.com/pq2433784oi>

3) Làm bài tập trong Workbook trang 36 + 37

4) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 02" để nghe bài.

Thứ 4
(20/10)

1

What did you do at the campsite?



I made a fire at the campsite.

2

What did you do at the campsite?



We sang a song together.

3

What did you do at the campsite?



I swam in the river.

4

What did you do at the campsite?



I slept in the tent.

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 01" để nghe bài.



1. go -> went



2. make -> made



3. see -> saw



4. swim -> swam



5. drive -> drove

Thứ 5
(21/10)



6. eat -> ate



7. take -> took



8. sleep -> slept



9. do -> did



10. sing -> sang

2) Làm phiếu số 3 trên Liveworksheets: <https://www.liveworksheets.com/cm2435545dz>

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 03" để nghe bài.

Thứ 5
(21/10)

1



I didn't go fishing.

2



He didn't sleep in the sleeping bag.

3



She didn't see bear prints.

4



They didn't drive the cars.

Thứ 6
(22/10)

1) Làm bài tập trên Pearson Portal: <http://english.com/login>

2) Hạn nộp video bài nói trên Team.

~ THE END ~